

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư đang chờ đợi thông tin trước cuộc họp của FED

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PVD, QNS

[Cập nhật công ty]

PVT

[Quan điểm đầu tư]

ĐĐT đang nắm giữ tỷ trọng thấp có thể mua gói đầu thêm 1 phần vị thế ngắn hạn nhưng cần đảo bán cp sẵn có trong trường hợp VNIndex đánh mất hoàn toàn vùng hỗ trợ trên.

14/03/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,446.25	-1.38
VN30	1,461.10	-1.09
HĐTL VN30F1M	1,463.40	-0.85
HNXIndex	436.57	-1.27
HNX30	791.95	-1.11
UPCoM	115.05	-0.28
USD/VND	22,885	+0.11
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.27	+0
Lãi suất qua đêm (%)	2.26	+27
Dầu (WTI, \$)	105.17	-3.80
Vàng (LME, \$)	1,964.04	-1.23



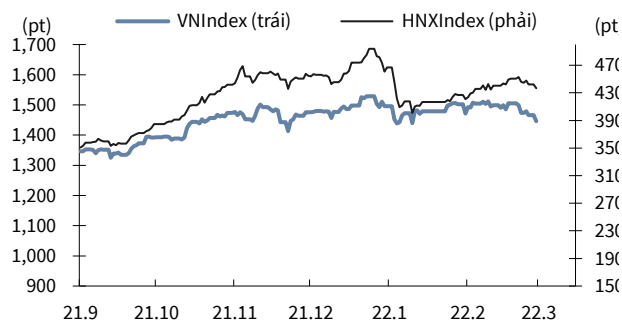
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,446.25 (-1.38%)
KLGD (triệu CP)	858.6 (+3.8%)
GTGD (triệu US\$)	1,188.4 (-1.8%)
HNXIndex	436.57 (-1.27%)
KLGD (triệu CP)	142.6 (-17.6%)
GTGD (triệu US\$)	152.2 (-13.9%)
UPCoM	115.05 (-0.28%)
KLGD (triệu CP)	93.8 (-41.7%)
GTGD (triệu US\$)	86.1 (-21.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -30.7

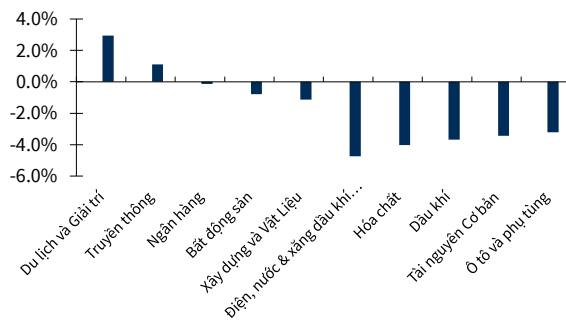
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán thế giới khi nhà đầu tư đang chờ đợi thông tin trước cuộc họp của FED. Giá dầu hạ nhiệt sau thông tin các nỗ lực ngoại giao nhằm chấm dứt chiến tranh ở Ukraine đã được đẩy mạnh, dự kiến FED tăng lãi suất trong tuần này và thông tin các nước tiêu thụ dầu lớn trên thế giới có thể giải phóng thêm dầu từ kho dự trữ chiến lược của mình khiến cổ phiếu dầu khí giảm giá BSR (-6.9%), PLX (-3.6%). Cổ phiếu nhóm xi măng tăng giá BCC (+2.9%), HT1 (+0.6%), trái ngược với diễn biến thị trường chung trước thông tin nhiều nhà sản xuất xi măng trong nước thông báo tăng giá bán xi măng trong cuối tháng 3. Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương cho biết, Cơ quan Biên phòng Canada (CBSA) đã có thông báo điều tra rà soát thuế chống bán phá giá với ống thép dẫn dầu nhập khẩu từ Ấn Độ, Đài Loan, Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam khiến cổ phiếu nhóm thép giảm giá NKG (-6.5%), HPG (-3.8%). Khối ngoại bán ròng ở MSN (-4.5%), NVL (-0.9%), DXG (-1.7%).

VNIndex & HNXIndex



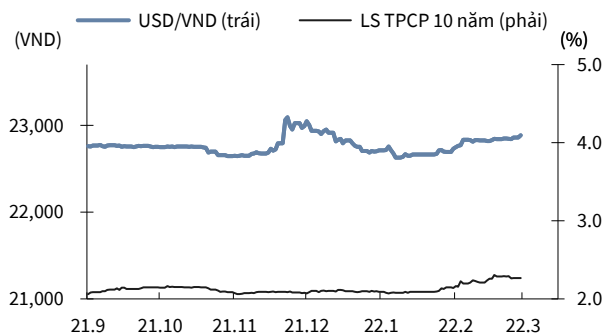
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

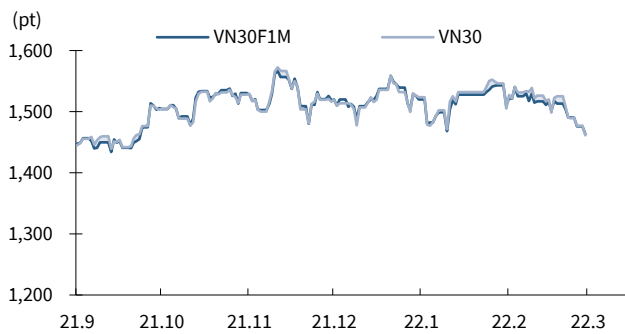
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,461.10 (-1.09%)
VN30F1M	1,463.4 (-0.85%)
Mở cửa	1,475.2
Cao nhất	1,476.0
Thấp nhất	1,456.0

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số Vn30 giảm trong đầu phiên sáng xuống mức thấp nhất ngày tại -5.94 điểm sau đó đảo chiều và biến động ở mức dương trước khi đóng cửa tại mức 2.3 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường không thay đổi.

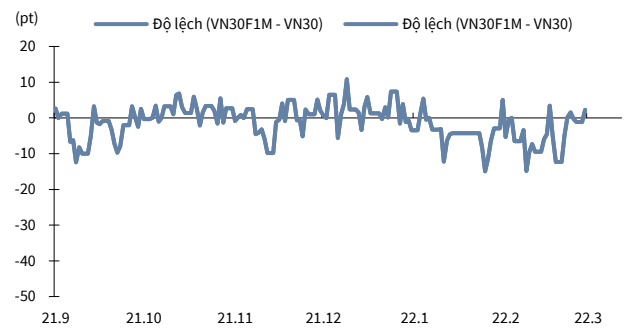
KLGD (HĐ) **161,129 (+3.4%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



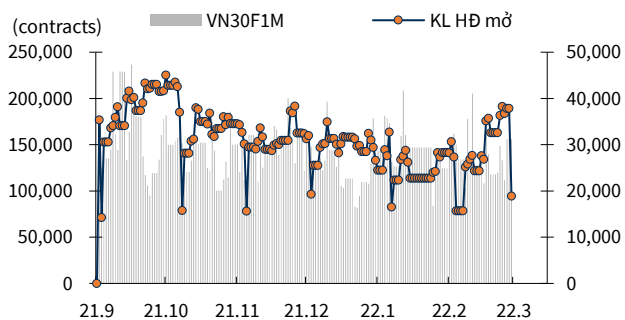
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



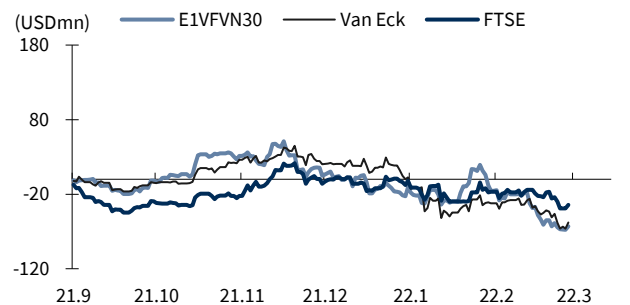
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

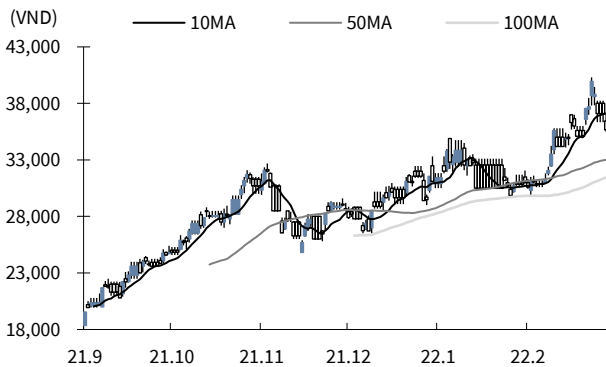
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

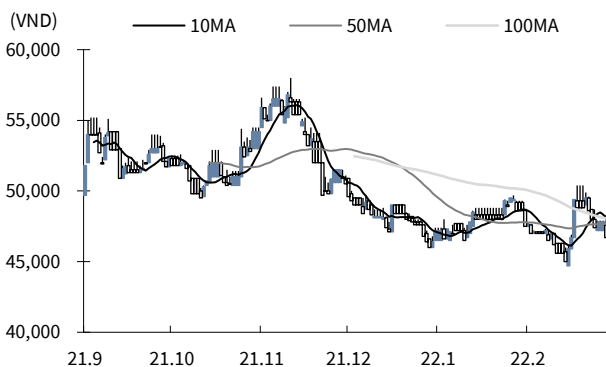
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVD giảm 3.91% xuống 35,650 VND/cp
- Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) thông báo đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan tại Indonesia. Theo đó, thông qua nhà thầu phụ PT. Jimmulya, PV Drilling cung cấp giàn khoan biển tự nâng PV Drilling II để phục vụ chiến dịch khoan của khách hàng tại vùng biển Natuna, Block A, Indonesia. Giàn PV Drilling II dự kiến sẽ khoan tại Indonesia từ đầu quý III.

Đường Quảng Ngãi (QNS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- QNS giảm 2.1% xuống 46,700 VND/cp
- Năm 2022 Đường Quảng Ngãi đặt mục tiêu lợi nhuận đạt 1,008 tỷ đồng (-19% YoY) và doanh thu đạt 8,000 tỷ đồng (+9% YoY), dự kiến chia cổ tức tỷ lệ không dưới 15% chỉ cổ đông.
- Bên cạnh đó, Đường Quảng Ngãi bổ sung thêm 3 mục trong ngày nghề kinh doanh, trong đó có việc sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nắm men sấy khô, sản xuất món ăn chế biến sẵn và sản xuất dầu, mỡ động thực vật.

CTCP Vận tải Dầu Khí (PVT)

Mở rộng đội tàu đem lại triển vọng dài hạn

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

14/03/2022

Doanh thu và LNST 2021 đi ngang - 0.2% YoY và +0.9% YoY do ảnh hưởng từ đợt giãn cách xã hội

Luỹ kế cả năm 2021, PVT ghi nhận doanh thu thuần đạt 7,368 tỷ VNĐ (-0.2% YoY) và LNST đạt 838 tỷ VNĐ (+0.9% YoY). KQKD đi ngang so với năm 2020 tới từ (1) Nhu cầu vận tải & vận hành FSO/FPSO chịu ảnh hưởng tiêu cực trong giai đoạn giãn cách xã hội; và (2) Phát sinh thêm chi phí hoạt động liên quan tới công tác phòng chống dịch Covid-19.

Giá cước vận tải hồi phục nhờ nhu cầu tiêu thụ hồi phục và động lực từ xung đột Nga - Ukraine

Theo dự báo của Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA), cung/cầu sẽ hồi phục hoàn toàn vào năm 2022, từ đó thúc đẩy nhu cầu tàu chở dầu và giá cước vận tải năng lượng cải thiện đáng kể. Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy rằng xung đột giữa Nga - Ukraine cũng trở thành một chất xúc tác tốt cho sự phục hồi của ngành vận chuyển năng lượng, việc thiếu hụt nguồn cung dầu từ Nga sẽ dẫn tới việc gia tăng nhu cầu nhập khẩu dầu khí, từ đó giúp tăng giá cước vận tải ở các tuyến hoạt động của PVT và tác động tích cực đến giá cho thuê tàu của doanh nghiệp.

Kế hoạch mở rộng đội tàu của PVT đem lại tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho doanh nghiệp

Chúng tôi đánh giá cao kế hoạch mở rộng đội tàu của PVT. Với vị thế đầu ngành, việc nâng số lượng tàu sẽ giúp cho triển vọng dài hạn của PVT được đảm bảo hơn nhờ vào các tàu mới chạy tuyến định hạn quốc tế với lợi thế chi phí nhân công rẻ hơn so với các chủ tàu nước ngoài. Với kế hoạch mở rộng trong 2022-2023, chúng tôi dự kiến tổng công suất đội tàu của PVT có thể được nâng lên gấp đôi, đạt 1,707 nghìn DWT vào cuối năm 2023 so với mức 978 nghìn DWT vào cuối năm 2021

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 36,800 VNĐ/cổ phiếu

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền của doanh nghiệp (FCFF) và P/E với tỷ lệ 50% cho mỗi phương pháp để đưa ra khuyến nghị MUA cho PVT với mức giá mục tiêu là 34,400VNĐ/cổ phiếu, tương đương với upside 30.8% so với giá đóng cửa của 26,300 VNĐ/cổ phiếu ngày 14/03/2022.

Rating change

Giá mục tiêu	VNĐ 34,400
Tăng/giảm (%)	30.8%
Giá hiện tại (14/03/2022)	VNĐ26,300
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ29,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,966

Dự phóng KQKD & định giá

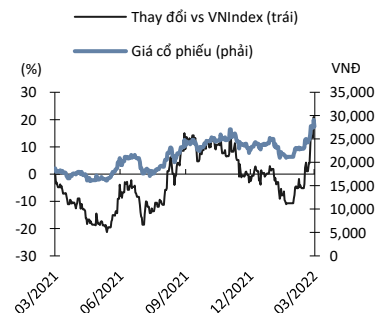
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	7,383	7,368	8,871	9,837
EBIT	854	963	1,219	1,321
LN sau CĐTS	669	666	901	895
EPS (VNĐ)	1,946	2,056	2,783	2,765
Thay đổi EPS (%)	-16.1	5.7	35.0	-1.0
P/E (x)	5.0	11.1	12.7	12.8
EV/EBITDA (x)	3.3	5.8	7.4	6.7
P/B (x)	0.5	1.1	1.4	1.2
ROE (%)	13.2	12.1	13.5	11.7
Tỷ suất cổ tức (%)	5.4	5.1	2.8	2.8

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	48.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	89.68
Sở hữu nước ngoài (%)	37.8%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (51.0%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
PVT	24.5	22.0	16.1	53.9
VNINDEX	26.8	20.3	5.1	21.3

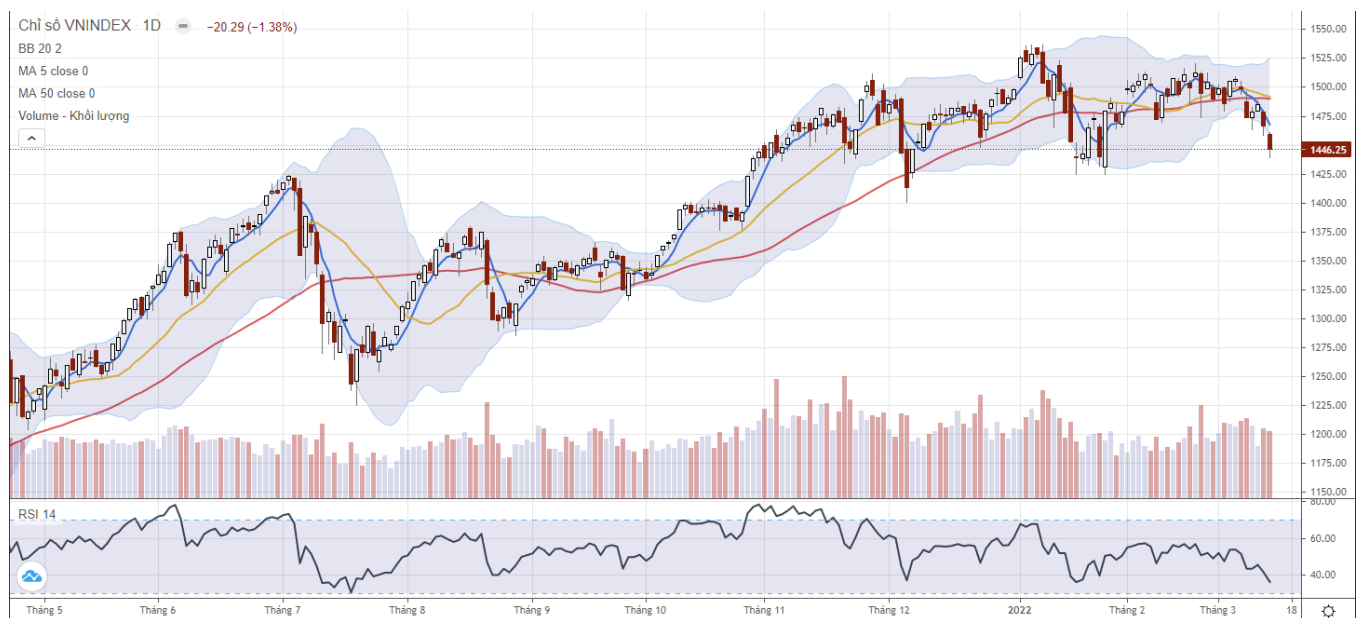


Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



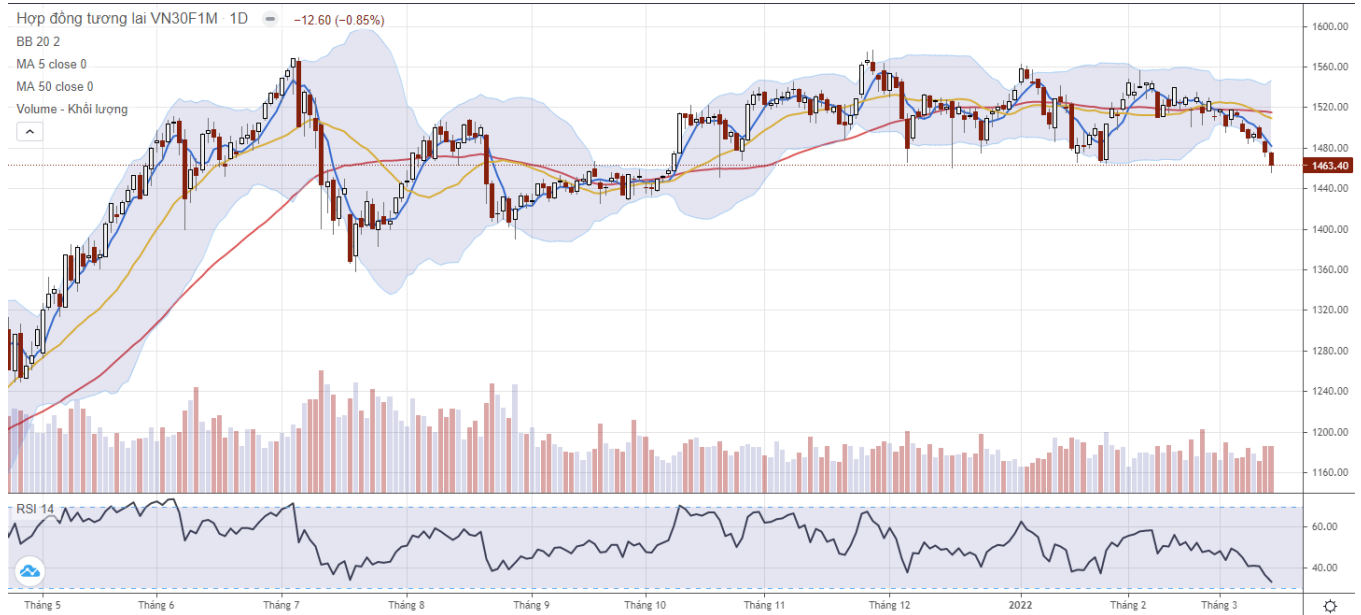
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp lao dốc mạnh ngay từ đầu phiên trước khi hồi phục giảm co và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh trong phiên khiến cho chỉ số chớm phá vùng hỗ trợ quan trọng tại quanh 145x. Mặc dù vậy, thanh khoản sụt giảm cùng với việc hình thành một cây nến rút chân về cuối phiên chưa đủ để xác nhận việc phá vỡ kênh tăng điểm của VNIndex và ngưỡng hỗ trợ then chốt của chỉ số hiện được hạ xuống vùng 143x.
- NĐT đang nắm giữ tỷ trọng thấp có thể mua gởi đầu thêm 1 phần vị thế ngắn hạn nhưng cần đảo bán cp sẵn có trong trường hợp VNIndex đánh mất hoàn toàn vùng hỗ trợ trên

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1483 – 1486

Kháng cự gần: 1474 - 1478

Hỗ trợ gần: 1457 – 1461

Hỗ trợ xa: 1447 – 1451

- F1 trải qua một nhịp lao dốc mạnh ngay từ đầu phiên trước khi hồi phục giằng co và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh trong phiên khiến cho chỉ số chớm phá vùng hỗ trợ quan trọng tại quanh 146x. Mặc dù vậy, thanh khoản sụt giảm cùng với việc hình thành một cây nến rút chân về cuối phiên chưa đủ để xác nhận việc phá vỡ kênh tăng điểm của F1 và để ngỏ khả năng hồi phục trong những phiên tới.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở thăm dò từng phần vị thế LONG khi chỉ số test các vùng hỗ trợ trong phiên nhưng tuân thủ điểm STOP.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

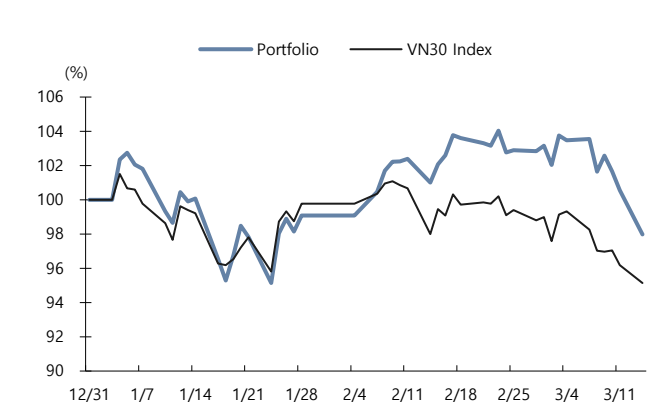
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.09%	-2.57%
Tăng lũy kế (YTD)	-4.86%	-2.03%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Ma-CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/03/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	131,700	-1.0%	70.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	61,800	-6.9%	2.5%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	98,500	-5.7%	28.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	197,000	1.5%	2.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,900	1.0%	114.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	91,800	-1.5%	215.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,900	-1.1%	68.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	106,000	-6.1%	44.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn năng sản lượng hỗ trợ giá đầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	45,800	-3.8%	216.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	50,700	-2.1%	270.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	1.4%	19.2%	72.6
VCB	0.5%	23.6%	46.7
VRE	0.5%	29.9%	45.5
DIG	1.7%	1.8%	37.4
DCM	-7.0%	6.6%	32.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-4.5%	28.8%	-154.0
NVL	-0.9%	6.8%	-152.0
DXG	-1.7%	31.2%	-125.9
HPG	-3.8%	22.6%	-217.7
SSI	-4.0%	38.1%	-73.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	4.2%	0.1%	15.0
HUT	9.2%	0.2%	13.1
SHS	-2.7%	8.1%	7.5
IDC	-6.1%	1.3%	2.1
THD	-1.4%	1.6%	1.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-5.7%	9.0%	-10.7
VCS	-1.3%	3.7%	-5.8
BVS	-4.7%	9.6%	-1.6
DTD	-2.4%	0.6%	-1.6
PVC	-9.8%	0.6%	-1.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	6.2%	VJC, HVN
Ngân hàng	-1.1%	EIB, SHB
Truyền thông	-2.0%	PNC, ADG
Bất động sản	-2.4%	NVL, HDC
Công nghệ thông tin	-2.4%	ELC, ST8

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-11.7%	GAS, POW
Dầu khí	-10.6%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-8.8%	HPG, HSG
Hóa chất	-6.8%	GVR, DGC
Ô tô và phụ tùng	-5.8%	TCH, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	15.7%	YEG, PNC
Hóa chất	9.2%	DCM, DGC
Y tế	6.3%	DHG, TNH
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.1%	REE, TMS
Xây dựng và Vật Liệu	4.0%	PC1, DPG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.9%	GAS, POW
Thực phẩm và đồ uống	-4.6%	MSN, VNM
Dầu khí	-3.9%	PLX, PVD
Ngân hàng	-3.5%	BID, CTG
Bất động sản	-2.3%	VHM, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	260,632 (11.4)	22.5	264.1	69.1	14.7	1.1	4.4	3.1	2.9	-0.9	-0.3	-4.3	-17.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	313,833 (13.8)	26.6	9.2	7.7	35.9	25.0	23.3	2.1	1.7	-0.7	-2.2	-4.6	-9.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	236,502 (10.4)	17.8	26.2	18.2	-7.6	9.1	10.8	2.2	2.1	0.5	-2.7	-3.0	6.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	258,043 (11.3)	31.3	28.8	24.4	6.7	14.2	14.6	3.7	3.2	-0.9	0.7	-1.9	-15.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	68,920 (3.0)	11.6	22.6	16.9	18.0	14.3	13.7	2.9	2.6	-1.6	-6.7	-4.7	-1.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	471,715 (20.7)	13.9	17.5	19.4	-	14.8	12.4	2.4	2.3	-1.7	-5.0	14.0	14.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	130,929 (5.7)	6.3	15.0	12.3	11.7	20.4	21.2	2.8	2.3	0.5	-0.8	-2.1	6.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	117,578 (5.2)	12.7	15.5	11.2	-5.3	17.2	20.2	2.2	2.0	-1.3	-2.2	-7.7	11.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	436,206 (19.1)	0.0	7.9	6.5	14.3	21.0	20.5	1.5	1.2	-0.8	-1.5	-5.8	-3.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	310,595 (13.6)	1.4	8.2	6.3	61.1	19.6	22.9	1.4	1.2	-1.1	-0.8	-7.8	-5.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	705,710 (30.9)	0.0	10.7	8.6	18.8	16.5	17.1	1.6	1.4	-1.1	-4.5	2.9	0.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	670,352 (29.4)	0.0	8.1	6.7	14.6	22.6	21.6	1.5	1.2	0.6	-1.7	-1.1	9.5
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	168,207 (7.4)	4.2	7.5	6.5	23.3	21.8	19.8	-	-	-0.7	-1.1	-7.2	-12.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	684,314 (30.0)	14.0	11.6	7.8	26.5	14.2	18.7	1.6	1.4	1.4	3.2	-1.1	3.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	244,500 (10.7)	0.0	9.0	7.6	37.4	22.2	22.3	1.9	1.6	1.4	0.5	-2.0	-4.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	26,915 (1.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	3.4	9.7	0.1	8.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	61,220 (2.7)	21.0	19.6	16.0	15.8	9.7	11.0	1.8	1.6	-3.3	-6.5	1.7	-1.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	17,945 (0.8)	14.2	23.5	18.7	9.1	10.8	13.1	2.2	2.0	-3.0	-3.5	3.5	-11.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	516,153 (22.6)	55.4	19.3	18.2	-3.2	15.2	15.2	-	-	-4.0	-7.7	-0.9	-16.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	188,746 (8.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-5.6	-6.5	2.8	-19.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	171,971 (7.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-3.9	-8.2	-5.8	-23.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	458,622 (20.1)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-2.3	2.8	15.1	-4.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	176,453 (7.7)	42.1	16.0	14.8	4.0	31.3	32.9	4.6	4.4	-1.0	0.5	-4.8	-10.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,089 (1.1)	36.9	23.0	19.0	7.3	19.7	21.4	4.2	3.8	0.0	-0.4	-8.3	2.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	149,407 (6.5)	16.5	29.6	7.1	-51.9	17.9	23.0	4.9	4.0	-4.5	14.0	10.2	-20.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	121,389 (5.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.2	-9.5	6.7	-22.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	132,827 (5.8)	11.0	-	63.2	-88.5	1.0	10.1	-	-	4.7	8.0	3.6	13.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	183,178 (8.0)	10.8	21.5	19.4	-57.0	12.1	13.1	2.3	2.2	-6.8	-7.3	6.1	9.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	331,401 (14.5)	38.4	11.7	7.6	65.7	11.2	14.9	1.3	1.2	-2.5	12.8	10.5	-37.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	122,390 (5.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-4.2	-8.5	6.0	-41.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	665,466 (29.2)	37.7	17.8	13.0	-13.2	12.0	15.1	-	-	-3.0	10.6	3.7	-9.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	50,701 (2.2)	3.6	17.7	13.5	-52.4	4.3	5.4	0.7	0.7	1.3	-4.9	-7.2	-21.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	47,766 (2.1)	0.0	11.3	9.5	-4.5	13.8	14.4	1.5	1.4	1.0	-1.2	8.0	5.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	151,193 (6.6)	46.1	17.1	15.4	-17.5	22.0	23.7	3.7	3.3	-6.1	-	-8.6	10.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	13,897 (0.6)	31.4	12.1	9.7	-10.5	14.3	15.8	1.5	1.4	-0.2	-4.7	-5.5	-14.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,341 (0.2)	34.1	13.7	8.6	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	-0.7	-1.1	-2.0	-8.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,287,643 (56.4)	18.0	7.1	6.8	21.9	29.2	24.5	1.8	1.4	-3.8	-	-0.9	-1.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	469,653 (20.6)	36.5	10.2	15.6	-0.5	30.7	17.8	3.5	3.1	-6.9	-4.2	35.2	23.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	334,851 (14.7)	46.5	9.4	13.8	-4.5	29.9	17.6	2.4	2.2	-7.0	0.3	47.6	17.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	472,486 (20.7)	38.9	6.7	6.6	67.9	24.0	20.4	1.4	1.2	-4.2	-	4.7	1.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	95,684 (4.2)	97.2	16.7	16.8	17.2	7.0	-	1.2	1.1	-3.4	-4.7	-0.9	-14.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	221,345 (9.7)	4.6	17.9	16.0	-51.0	15.3	16.9	2.7	2.6	-3.6	-	-7.1	3.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	379,495 (16.6)	39.9	32.1	16.7	-11.9	3.5	6.2	1.1	1.0	-3.9	-5.1	15.0	20.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	171,081 (7.5)	35.9	9.1	7.9	1.2	17.2	16.4	1.3	1.1	-6.3	-	6.3	2.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	172,550 (7.6)	0.0	14.6	12.5	13.7	28.9	29.0	4.0	3.5	-1.0	-1.9	-0.2	-3.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	151,532 (6.6)	0.0	16.5	13.2	2.4	21.2	20.6	3.1	2.5	-5.7	-8.8	-5.8	2.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	19,129 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.5	-3.1	45.7	8.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	162,951 (7.1)	30.3	17.2	13.6	-75.2	30.7	29.9	4.6	3.6	-3.0	-4.0	27.2	24.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	56,206 (2.5)	34.6	10.1	11.2	41.2	33.6	26.0	2.8	2.2	-0.1	-8.7	-	4.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,305 (0.3)	45.4	18.8	17.6	10.7	19.3	18.8	3.4	3.1	-2.3	-6.3	9.7	-3.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	112,847 (4.9)	0.0	16.5	13.4	15.5	27.4	29.2	3.6	-	-1.5	-2.1	0.9	-1.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.